TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/DS-ST
Ngày: 18/10/2019
Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ma Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Minh Tâm.

2. Ông Hoàng Văn Cảnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Vân Kiều - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Trần Hà Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 18/10/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/TLST - DS, ngày 18/4/2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST - DS, ngày 12/9/2019; quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2019/QĐST-DS, ngày 30/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn X (Nguyễn Minh X); địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị X1; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị K; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của Nguyên đơn; người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Nguyên đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 23/01/2014, vợ chồng ông bà (X - X1) có cho vợ chồng ông bà H - K (L) vay số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, 06 tháng thanh toán lãi một lần, thời hạn vay là 02 năm. Khi cho vay có làm giấy tờ, có chữ ký của người làm chứng và xác nhận của UBND xã Đ, huyện S. Tuy nhiên, đã hết thời hạn vay nhiều năm nhưng ông bà H - K cố

tình không trả nợ mặc dù đã nhiều lần được yêu cầu. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông bà H - K phải thanh toán cho vợ chồng ông bà số tiền gốc là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định là 10%/năm, trong thời gian là 05 năm bằng 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), tổng cộng là 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng).

Tại phiên tòa, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Nguyên đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị X1 trình bày: Vợ chồng bà có cho vợ chồng ông bà H - K vay 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) vào ngày 23/01/2014, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, 06 tháng thanh toán lãi 01 lần. Sau đó vợ chồng ông bà H - K mới thanh toán cho vợ chồng bà được 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền lãi (cuối năm 2014 thanh toán 30.000.000đ; cuối năm 2015 thanh toán 75.000.000đ). Từ đó đến nay vợ chồng ông bà H - K không thanh toán cả gốc và lãi cho gia đình bà nữa. Bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông bà H - K phải thanh toán cho gia đình bà số tiền gốc là 600.000.000đ. Tiền lãi tính theo mức lãi suất dân sự quy định (10%) từ năm 2016 đến hết năm 2018 là 03 năm bằng 180.000.000đ (60.000.000/đnăm x 3 năm) và 09 tháng năm 2019 là 45.000.000đ. Tổng cộng gốc và lãi vợ chồng ông bà H - K phải thanh toán cho bà là 600.000.000đ + 225.000.000đ = 825.000.000đ (Tám trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị K (L) đến để làm việc nhưng đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị K (L) vẫn đăng ký tạm trú và sinh sống tại thôn P, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Theo cung cấp của thôn thì ông H hiện nay đi làm ăn xa, thỉnh thoảng vẫn về gia đình, còn bà K vẫn sinh sống tại địa phương. Các văn bản, tài liệu Tòa án giao, gửi cho ông bà H - K, đại diện thôn đều thông báo lại và tiến hành niêm yết theo đúng quy định. Tuy nhiên, bà K vẫn không đến Tòa và ông H cũng không về và không nói rõ đang ở địa chỉ cụ thể nào.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 26, 147, 161, 162, 227, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 467, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị K (L) phải thanh toán cho bà Vũ Thị X1 số tiền là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) gốc và lãi suất theo quy định; ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị K (L) phải chịu án phí và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Theo cung cấp của Công an xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang thì ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị K (L) có đăng ký tạm trú và sinh sống tại thôn P, xã Đ, huyện S. Năm 2018 và đầu năm 2019, ông H, bà K vẫn tham gia tố tụng trong vụ án "Tranh chấp quyền sử dụng đất" với tư cách là Bị đơn tại Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương. Sau khi thụ lý vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" do ông Nguyễn Tuấn X (Nguyễn Minh X) là người khởi kiện, Tòa án đã triệu tập, niêm yết các

văn bản tố tụng nhưng ông H, bà K vẫn không đến làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngày 18/4/2019, Tòa án thụ lý vụ án do ông Nguyễn Tuấn X (Nguyễn Minh X) là Nguyên đơn; ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị K (L) là bị đơn; bà Vũ Thị X1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đến ngày 20/8/2019, ông Nguyễn Tuấn X (Nguyễn Minh X) ủy quyền cho bà Vũ Thị X1 tham gia tố tụng để giải quyết vụ án. Ngày 12/9/2019, Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, đến ngày 24/9/2019 ông Nguyễn Tuấn X (Nguyễn Minh X) chết. Bà Vũ Thị X1 xuất trình giấy chứng tử và biên bản họp gia đình trong đó các đồng thừa kế của ông X thỏa thuận bà X1 là người tiếp tục trực tiếp tham gia tố tụng giải quyết vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị K (L). Do đó, bà X1 đang tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và được nguyên đơn ủy quyền thành người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Nguyên đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về xem xét yêu cầu khởi kiện:

Qúa trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn là ông Nguyễn Minh X xác định đã cho ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị K (L) vay số tiền là 600.000.000đ, bà Vũ Thị X1 đã xuất trình tài liệu, chứng cứ là bản gốc giấy vay tiền ngày 23/01/2014 có chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị K (L). Do không lấy được lời khai của ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị K (L) nên ngày 26/8/2019, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền do đương sự cung cấp với chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị K (L) tại các tài liệu thu thập trong vụ án "Tranh chấp quyền sử dụng đất" (gồm giấy ủy quyền không đề ngày, tháng; Bản tự khai không đề ngày, tháng của bà Bùi Thị L; Biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Văn H ngày 17/9/2018; Biên bản định giá tài sản ngày 21/8/2018 và Biên bản hòa giải ngày 08/10/2018.

Tại kết luận giám định số 621/GĐ-KTHS, ngày 06/9/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận:

- Chữ ký "K" và chữ viết "Bùi Thị K" dưới mục "Người vay" trong "GIẤY VAY TIỀN" ngày 23/01/2014 với chữ ký, chữ viết ghi tên Bùi Thị L (K) dưới mục "Người ủy quyền: trong "GIẤY ỦY QUYỀN" không đề ngày tháng; chữ ký, chữ viết Bùi Thị L dưới mục "Người tự khai" trong "BẢN TỰ KHAI" không đề ngày, tháng và chữ ký, chữ viết Bùi Thị L dưới mục "Đương sự" trong "BIÊN BẢN ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN" ngày 21/8/2018 do cùng một người ký và viết.

- Chữ viết "Nguyễn Văn H" dưới mục "Người vay" trong *"GIẤY VAY TIỀN"* ngày 23/01/2014 với chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết "Nguyễn Văn H" dưới mục "Người được ủy quyền" trong "GIẤY ỦY QUYỀN" không đề ngày tháng (ký hiệu B1); chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết "Nguyễn Văn H" dưới mục Người khai trong "BIÊN BẢN LẤY LỜI KHAI" ngày 17/9/2018 và chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết "Nguyễn Văn H" tại các trang và dưới mục "Các Đương sự tham gia phiên họp" trong "BIÊN BẢN HÒA GIẢI" ngày 08/10/2018 là do cùng một viết.

Như vậy, việc vợ chồng ông Nguyễn Minh X, bà Vũ Thị X1 cho ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị K (L) vay tiền là có thật, được chứng minh bằng Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ và cần được xem xét.

Số tiền gốc mà ông bà H - K còn nợ là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Trong giấy vay tiền, các bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng = 9.000.000đ/tháng (108.000.000đ/năm). Tại

phiên tòa, bà X1 xác định ông bà H - K đã thanh toán được một khoản tiền lãi là 100.000.000đ trong năm 2014 và 2015. Tuy nhiên, bà chỉ yêu cầu ông bà H - K có nghĩa vụ thanh toán cho gia đình bà khoản tiền gốc là 600.000.000đ và khoản lãi theo lãi suất dân sự quy định là 10%/năm = 60.000.000đ/năm (5.000.000đ/tháng), thời điểm tính lãi bắt đầu từ năm 2016 đến hết tháng 9/2019 là 03 năm 09 tháng (45 tháng) bằng 225.000.000đ. Tổng số tiềng gốc và lãi ông bà H - K phải thanh toán là 825.000.000đ (Tám trăm hai mươi lăm triệu đồng).

HĐXX thấy rằng, lãi suất mà các bên thỏa thuận (1,5%/tháng) không vượt quá mức lãi suất cho phép (20%/năm = 1,66%/tháng). Do đó khoản tiền lãi mà ông bà H - K đã thanh toán cho ông bà X – X1 trong năm 2014, 2015 cũng không vượt quá mức lãi suất quy định. Bên cạnh đó, bà X1 chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất mà Bộ luật dân sự quy định là 10%/năm tính từ tháng 1/2016 đến hết tháng 9/2019. Do đó, đề nghị về việc thanh toán khoản tiền gốc và lãi của bà X1 đối với ông H, bà K không vượt quá yêu cầu khởi kiện và hoàn toàn phù hợp nên được chấp nhận.

Vì vậy, cần buộc ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị K (L) có nghĩa vụ thanh toán cho bà Vũ Thị X1 tổng số tiền gốc và lãi là 825.000.000đ (Tám trăm hai mươi lăm triệu đồng). Chia ra, mỗi người có nghĩa vụ thanh toán là 412.500.000đ (Bốn trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

[3] Về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị K (L) phải nộp án phí đối với khoản tiền phải thanh toán cho bà Vũ Thị X1; bà Vũ Thị X1 không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí do ông Nguyễn Minh X đã nộp.

- Về chi phí tố tụng: Qúa trình giải quyết vụ án, bà Vũ Thị X1 đã yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị K (L) và đã nộp tạm ứng chi phí giám định. Số tiền chi phí cho việc giám định là 3.960.000đ. Do yêu cầu của bà Vũ Thị X1 được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị K (L) phải chịu chi phí giám định và có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền chi phí giám định cho bà Vũ Thị X1 số tiền là 3.960.000đ (Ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Chia ra mỗi người phải thanh toán cho bà X số tiền là 1.980.000đ (Một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 74, 147, 161, 162, 227, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 467, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Vũ Thị X1 đối với ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị K (L).

- Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị K (L) có nghĩa vụ thanh toán cho bà Vũ Thị X1 tổng số tiền là 825.000.000đ (Tám trăm hai mươi lăm triệu đồng). Chia ra, mỗi người có nghĩa vụ thanh toán số tiền là 412.500.000đ (Bốn trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị K (L) có nghĩa vụ thanh toán cho bà Vũ Thị X1 khoản tiền chi phí tố tụng (giám định chữ ký, chữ viết) là 3.960.000đ (Ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Chia ra mỗi người phải thanh toán cho bà X1 số tiền là 1.980.000đ (Một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Khoản tiền phải thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà Vũ Thị X1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị K (L) chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị K (L) phải chịu 36.750.000đ (Ba mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Chia ra mỗi mười phải nộp số tiền là 18.375.000đ (Mười tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

Bà Vũ Thị X1 không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí do ông Nguyễn Minh X (Nguyễn Tuấn X) đã nộp là 9.750.000đ (Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0000877, ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Vũ Thị X1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị K (L) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- T.H.A dân sự huyện Sơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ma Thị Tuyết Mai